

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2021.

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thúy.

2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở : Tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 2, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Lầu 8, số 1, ngõ 16, đoạn 2, đường Tứ Xuyên, khu Bản Kiều, thành phố Tân Bắc, Đài Bắc – Đài Loan. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau hạnh phúc nhưng những năm gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do tính cách vợ chồng không hoà hợp, thường xuyên tranh cãi. Năm 2018, chị T đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan mà không có sự bàn bạc thống nhất với anh và gia đình. Từ đó vợ chồng lại càng mâu thuẫn trầm trọng, bản thân anh cũng đã cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng, khuyên chị T về nước nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay vợ chồng không còn giữ liên lạc, quan tâm nhau nữa. Anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh có nguyện vọng được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con lớn là Hoàng Lê V, sinh ngày 05/5/2009 và con nhỏ là Hoàng Lê V.N, sinh ngày 10/12/2014. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên có gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án số 25/TB-TA ngày 05/10/2021 và công văn yêu cầu trả lời quan điểm giải quyết vụ án số 249/CV-TGĐVNCTN ngày 08/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho chị Lê Thị Hồng T – theo địa chỉ: Lầu 8, số 1, ngõ 16, đoạn 2, đường Tứ Xuyên, khu Bản Kiều, thành phố Tân Bắc, Đài Bắc – Đài Loan. Chị T xác định đã nhận được những văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã gửi cho chị qua đường bưu điện và có gửi văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án thể hiện quan điểm của chị về cho bà Phạm Thị Thanh N – mẹ đẻ của chị. Có địa chỉ tại: Tổ 5, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Tại biên bản làm việc ngày 16/12/2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên. Bà Nhân cung cấp tài liệu và cam kết đó là quan điểm của chị Lê Thị Hồng T đã gửi về cho bà. Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn chị T, chị T xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của anh L. Về mâu thuẫn vợ chồng chị xác định do tính cách vợ chồng không hoà hợp, hay tranh cãi. Do vậy năm 2018 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Trong thời gian chị đi làm tại Đài Loan, vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương nhau nên anh L xin ly hôn chị nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh L đã khai là đúng. Do hiện nay chị đang làm việc tại Đài Loan không đủ điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi Tòa án giải quyết chị đề nghị Tòa giao cả hai con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đến khi nào chị về nước chị sẽ thoả thuận với anh L về việc nuôi con chung. Về cấp dưỡng: Chị và anh L tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Hiện nay, chị T đang làm việc tại Đài Loan có địa chỉ: Lầu 8, số 1, ngõ 16, đoạn 2, đường Tứ Xuyên, khu Bản Kiều, thành phố Tân Bắc, Đài Bắc – Đài Loan. Công việc của chị là chăm sóc người già theo hợp đồng lao động. Khi giải quyết vụ án này, chị có nguyện vọng được giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Do tình hình dịch covid tại nơi chị làm việc diễn biến phức tạp nên chị không thể đi ra ngoài xin xác nhận của chính quyền sở tại được, vì vậy chị T gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về cho bà N để bà N cung cấp cho Tòa án làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 10097/CAT(PA01/XNC) ngày 27/10/2021 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định: Công dân Lê Thị Hồng T, sinh ngày 25.02.1987 đã sử dụng hộ chiếu số C4987870 đã xuất cảnh ngày 03.7.2018 qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn hiện đang nước ngoài có địa chỉ cụ thể, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có văn bản trình bày quan điểm gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Hoàng Văn L và chị Lê Thị Hồng T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng do hai bên không có tiếng nói chung nên trong sống phát sinh ra nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2018 khi chị T đi lao động xuất khẩu, tình cảm vợ chồng lại càng xa cách, không còn quan tâm đến nhau. Hiện cả anh L và chị T đều không còn yêu thương nhau và cũng không ý thức vun vén hàn gắn tình cảm vợ chồng, do vậy mục đích

hôn nhân giữa anh chị không đạt được. Nay anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T và tại văn bản của chị T gửi về cho Tòa án cũng thể hiện vợ chồng có mâu thuẫn và nhất trí ly hôn với anh L.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên cho anh L được ly hôn với chị T là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Lê V, sinh ngày 05/5/2009 và Hoàng Lê V.N, sinh ngày 10/12/2014. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong văn bản trình bày quan điểm chị T thể hiện chị cũng nhất trí để anh L được nuôi cả hai con chung. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần giao hai cả hai con chung là Hoàng Lê V, sinh ngày 05/5/2009 và Hoàng Lê V.N, sinh ngày 10/12/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn và nguyện vọng của cháu Hoàng Lê V và cháu Hoàng Lê V.N được thể hiện tại bản tự khai ngày 08/10/2021, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Tại văn bản trả lời quan điểm chị T cũng đồng ý, do vậy Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh L xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía chị T trong văn bản thể hiện ý kiến, quan điểm của mình cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L cho anh L được ly hôn chị T. Giao cả hai con chung là cháu Hoàng Lê V, sinh ngày 05/5/2009 và cháu Hoàng Lê V.N, sinh ngày 10/12/2014 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Hoàng Văn L. Anh Hoàng Văn L được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Hoàng Lê V, sinh ngày 05/5/2009 và Hoàng Lê V.N, sinh ngày 10/12/2014 cho anh L tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị T do anh L không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Anh L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000009 ngày 05/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND Phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thủy